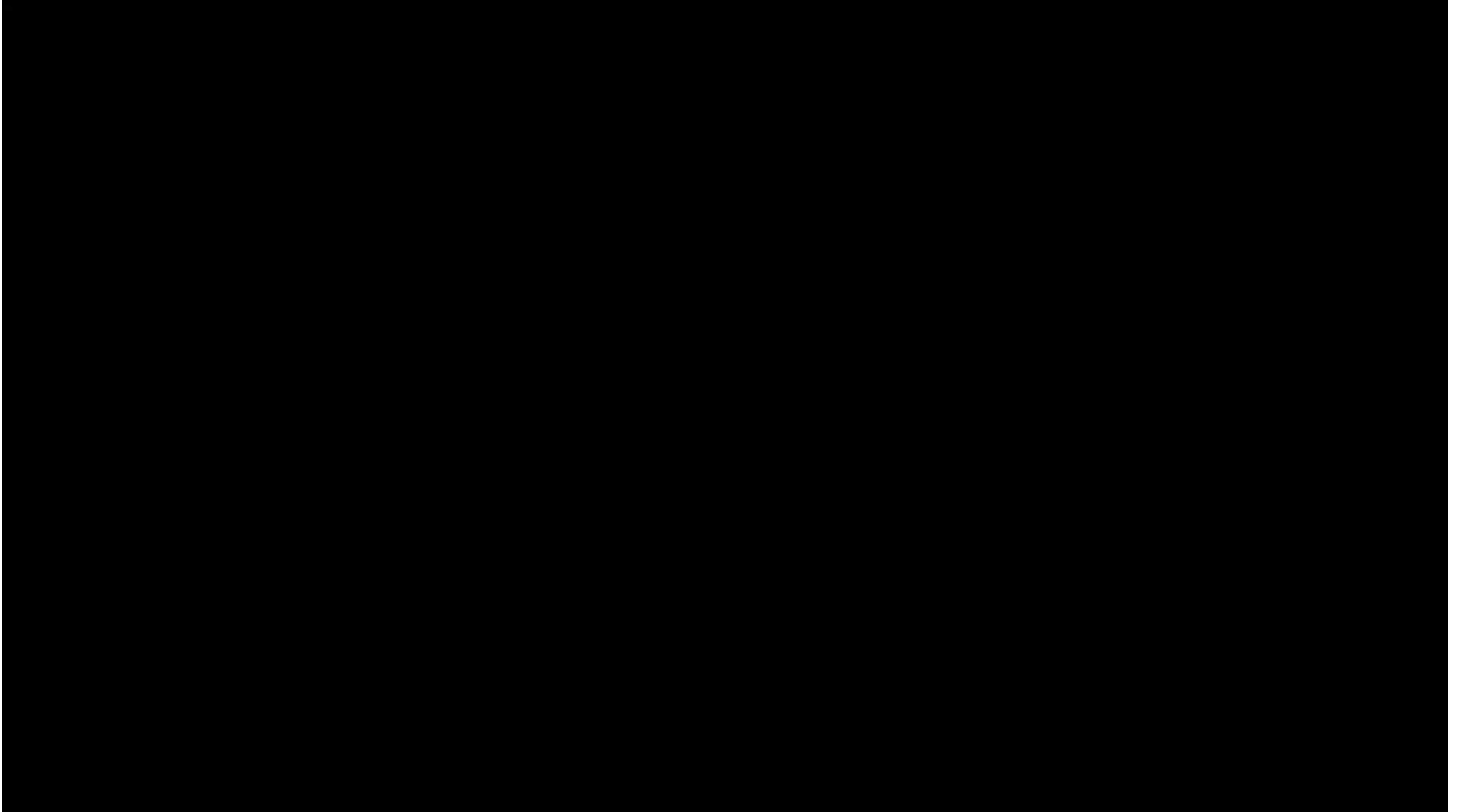




KHỞI ĐỘNG



Xem video (ghi nhớ các địa danh trong video)





BÀI 11

VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ

VNEXPRESS



I. VỊ TRÍ ĐỊA LÍ VÀ PHẠM VI LÃNH THỔ

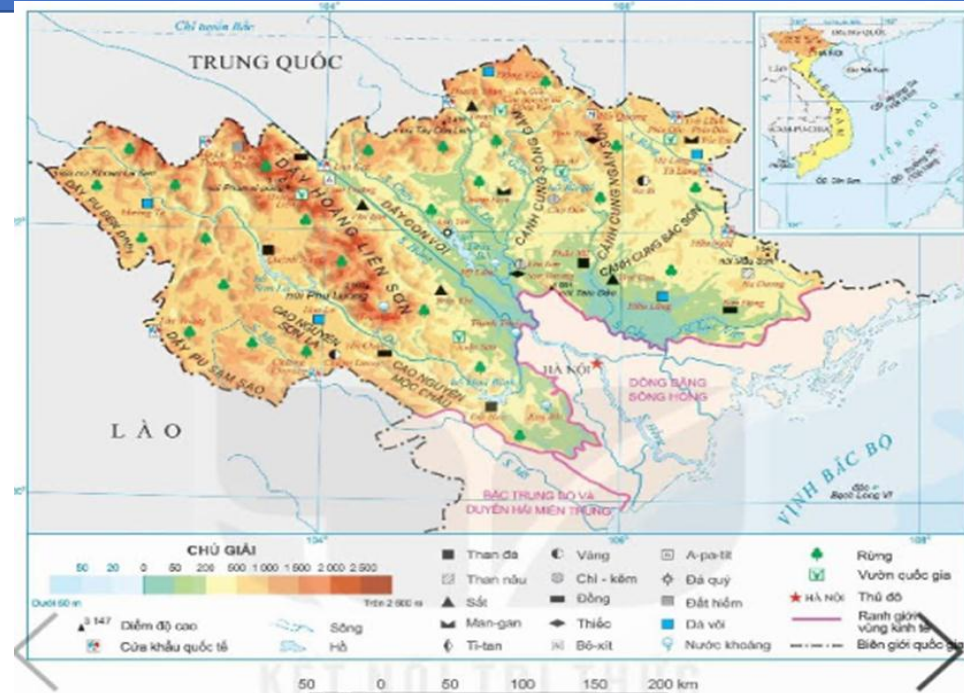
CẶP ĐÔI



❖ **Yêu cầu:** Dựa vào thông tin mục 1 và hình 11.1, hãy xác định trên bản đồ vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

❖ **Thời gian:** 4 phút

4:00

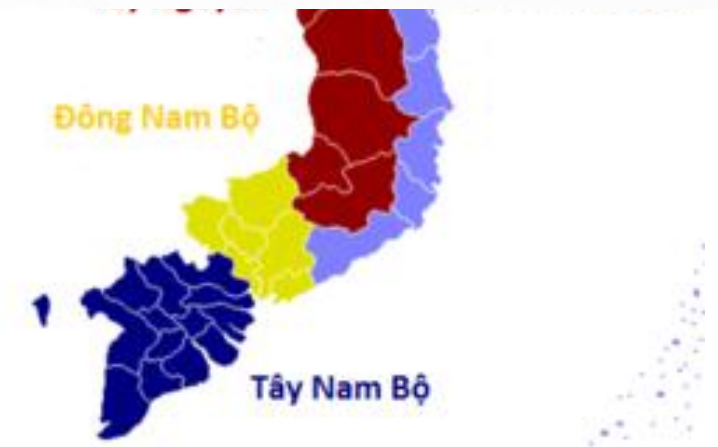
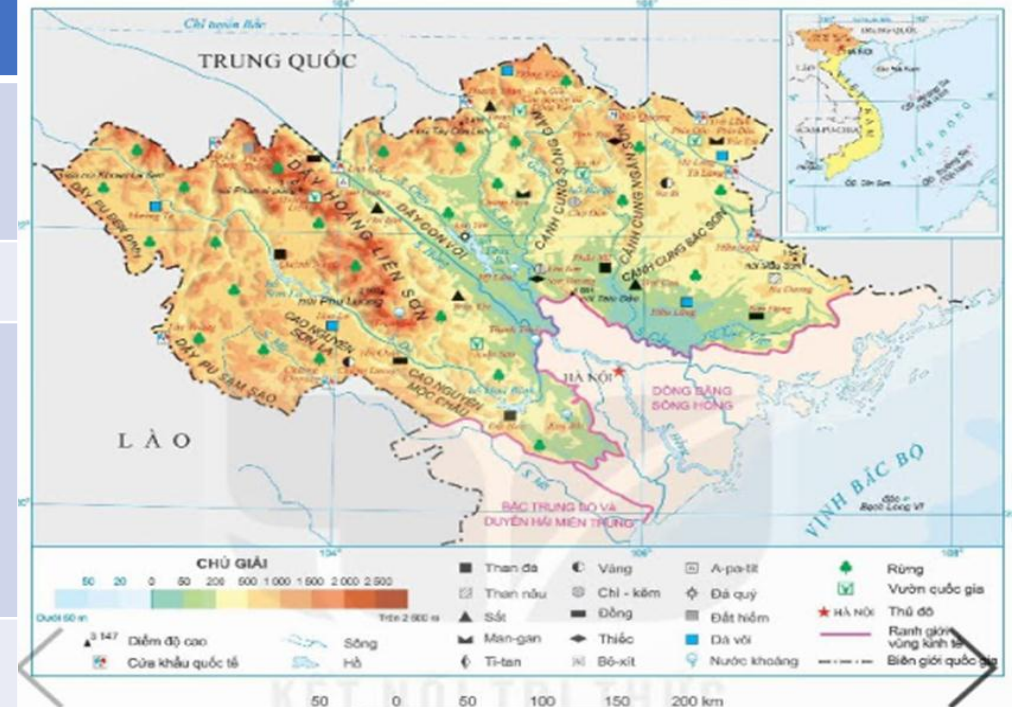


PHIẾU HỌC TẬP

Câu hỏi	Thông tin
TDMNBB nằm ở phía nào đất nước	
Diện tích	
Kể tên các tỉnh	
Tiếp giáp với nước nào	
Tiếp giáp với vùng kinh tế nào	
Ý nghĩa VTĐL, phạm vi lãnh thổ	

I. VỊ TRÍ ĐỊA LÍ VÀ PHẠM VI LÃNH THỔ

Câu hỏi	Thông tin
TDMNBB nằm ở phía nào đất nước	- Phía Bắc
Diện tích	- hơn 95 nghìn km²
Kể tên các tỉnh	- 14 tỉnh, chia thành 2 khu vực: Đông Bắc (10 tỉnh) và Tây Bắc (4 tỉnh).
Tiếp giáp với nước	- Phía Bắc giáp Trung Quốc - Phía Tây giáp Lào
Tiếp giáp vùng	- phía nam giáp Đồng bằng sông Hồng và Bắc Trung Bộ
Ý nghĩa	- Vùng có vị trí thuận lợi trong việc thúc đẩy giao thương quốc tế và kết nối với các vùng khác, có ý nghĩa quan trọng về quốc phòng an ninh.





Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là địa bàn chiến lược đặc biệt quan trọng về kinh tế-xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của cả nước; có vị trí thuận lợi trong việc thúc đẩy giao thương quốc tế và kết nối với các vùng khác.



Vị trí, phạm vi



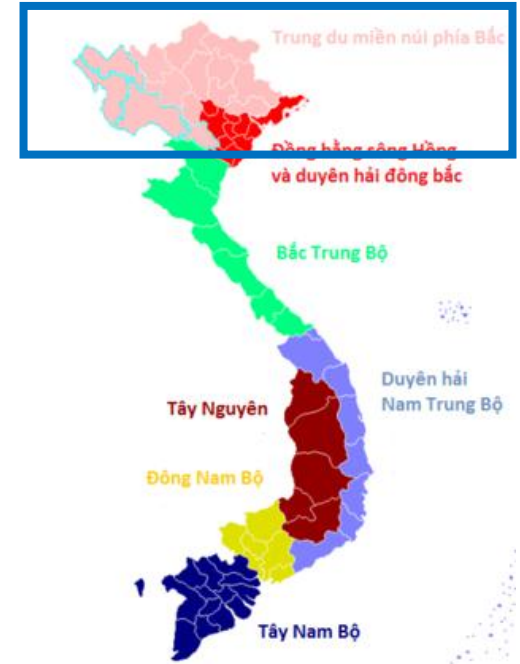
Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ nằm ở phía Bắc nước ta, bao gồm 14 tỉnh, chia thành 2 khu vực: Đông Bắc (10 tỉnh) và Tây Bắc (4 tỉnh).



Diện tích: hơn 95 nghìn km², chiếm 28,7% diện tích cả nước (năm 2021).



Phía bắc giáp Trung Quốc, phía nam giáp Đồng bằng sông Hồng và Bắc Trung Bộ, phía tây giáp Lào.





2. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN

HOẠT ĐỘNG NHÓM

Nhiệm vụ: Các nhóm **đọc SGK, lập bảng so sánh** thiên nhiên giữa **Đông Bắc** và **Tây Bắc** theo mẫu phiếu học tập sau:

- **Giống nhau:**
- **Khác nhau:**

Thiên nhiên	Đông Bắc	Tây Bắc
Địa hình		
Khí hậu		
Sông ngòi		
Sinh vật		
Khoáng sản		



GIỐNG NHAU:

- + Địa hình đều nghiêng theo hướng tây bắc – đông nam
- + Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa
- + Đều có sinh vật nhiệt đới và cận nhiệt đới

KHÁC NHAU

Đặc điểm	Đông Bắc	Tây Bắc
Địa hình	Chủ yếu là đồi núi thấp Hướng núi: vòng cung	Núi cao, hiểm trở Hướng núi: TB - ĐN
Khí hậu	Nhiệt đới ẩm gió mùa với mùa đông lạnh nhất cả nước	Nhiệt đới ẩm gió mùa, mùa đông ít lạnh hơn. Đầu mùa hạ chịu ảnh hưởng mạnh của gió Tây khô nóng.
Sông ngòi	Sông ngòi dày đặc, có giá trị về giao thông và thủy lợi.	Sông ngòi có độ dốc lớn, lưu lượng nước dồi dào, có tiềm năng về thủy điện.
Khoáng sản	Phong phú chủng loại: a-pa-tít, sắt, chì - kẽm, đá vôi, than,...	Ít hơn, có một số loại trữ lượng lớn như: đất hiếm, đồng,...
Sinh vật	Phong phú, gồm sinh vật nhiệt đới và cận nhiệt đới	Nhiều loài sinh vật nhiệt đới, cận nhiệt đới, ôn đới núi cao.

Hoàng Liên Sơn – điểm đến mơ ước



Một số khó khăn



Đoạn đường 200m tại quốc lộ 4H **sạt lở** gây ách tắc giao thông



Tại bản Nậm Nhừ 1 (xã Nậm Nhừ, huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên), trường học, ngân hàng, đường dân sinh... **bị lũ quét** tàn phá, thiệt hại rất nghiêm trọng

Nguyên nhân ?



Giải pháp ?

Mùa đông 2016, băng giá ở Sapa trên diện rộng



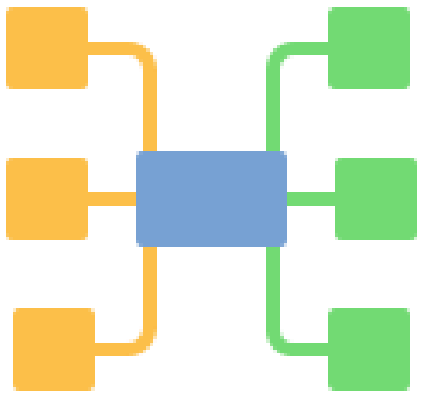
sapa.01/2016 © thangsroi



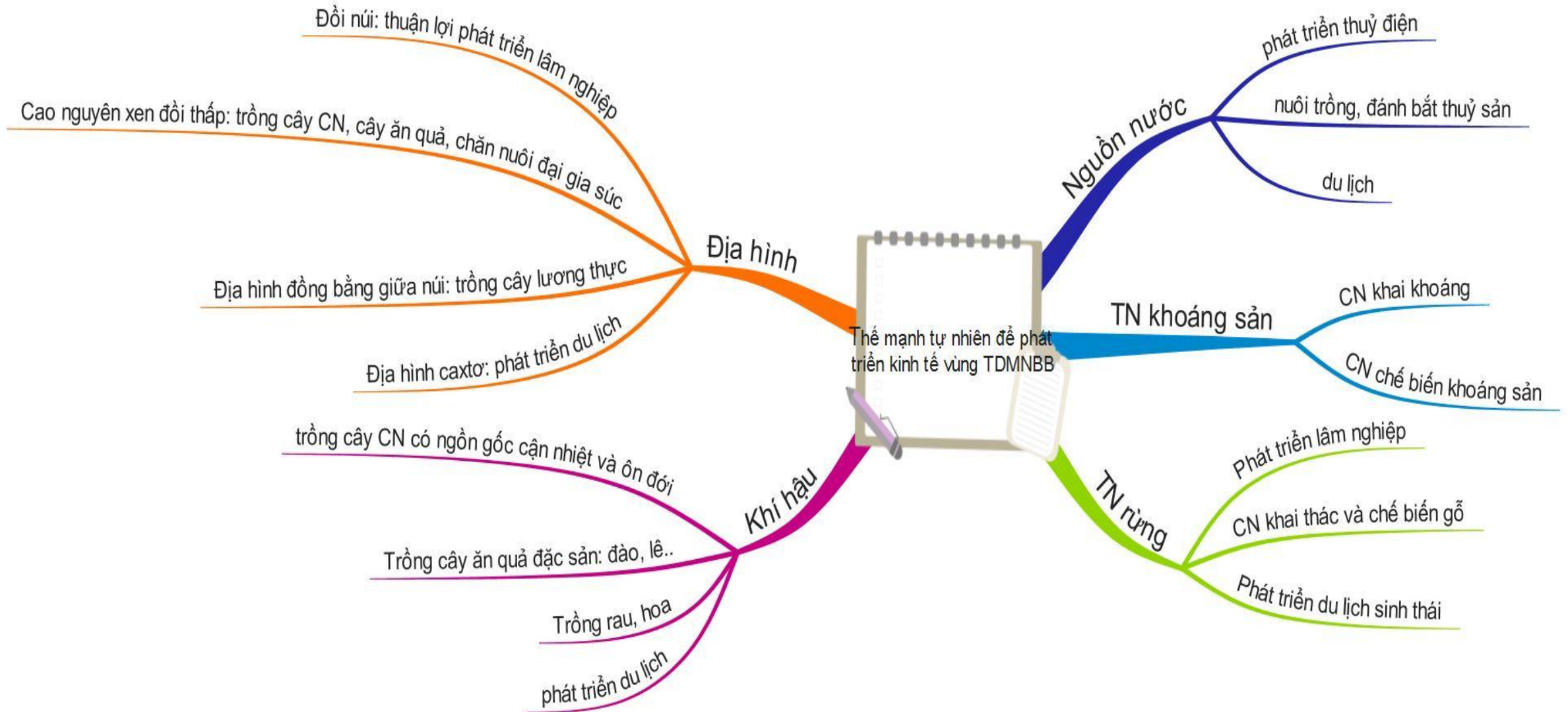
2. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN

HOẠT ĐỘNG NHÓM

Nhiệm vụ: Các nhóm đọc SGK, vẽ sơ đồ tư duy về thể mạnh tự nhiên để phát triển kinh tế của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.



THẾ MẠNH VỀ TỰ NHIÊN ĐỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÙNG TDMNBB





- VÙNG CÓ DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG CHÈ LỚN NHẤT CẢ NƯỚC



ĐẤT HIỀM



SẮT



Khai thác đất hiếm (Lai Châu), sắt (Thái Nguyên, Yên Bái), Apatit (Lào Cai),...

ĐỒNG



APATIT



Thủy điện Sơn La lớn nhất Đông Nam Á – 2400MW





3. DÂN CƯ, XÃ HỘI

a. Thành phần dân tộc

- Dựa vào thông tin mục a, hãy nhận xét đặc điểm nổi bật về thành phần dân tộc ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Dân tộc Thái



Dân tộc Nùng



Dân tộc H'Mông



3. DÂN CƯ, XÃ HỘI

Thành phần dân tộc

Thành phần dân tộc đa dạng (như Kinh, Thái, Mường, Dao, H'Mông, Tày, Nùng,...).

Dân tộc thiểu số chiếm hơn 50% tổng số dân toàn vùng.

Địa bàn cư trú của các dân tộc đã có sự thay đổi và đan xen



KHU VỰC TÂY BẮC

Dân tộc Thái



Dân tộc Mường



KHU VỰC ĐÔNG BẮC

Dân tộc Tày



Dân tộc Nùng



3. DÂN CƯ, XÃ HỘI

Thành phần dân tộc

Thành phần dân tộc đa dạng (như Kinh, Thái, Mường, Dao, H'Mông, Tày, Nùng,...).

Dân tộc thiểu số chiếm hơn 50% tổng số dân toàn vùng.

Địa bàn cư trú của các dân tộc đã có sự thay đổi và đan xen

Người dân có nhiều kinh nghiệm canh tác trên đất dốc, kết hợp sản xuất nông lâm nghiệp, chăn nuôi đại gia súc, trồng cây dược liệu và rau quả ôn đới.



Do video đính kèm qua gmail khá nặng nên em để link phần ghi chú thầy cô tải về rồi đính kèm vào ppt nhé ạ



canh tác trên ruộng bậc thang

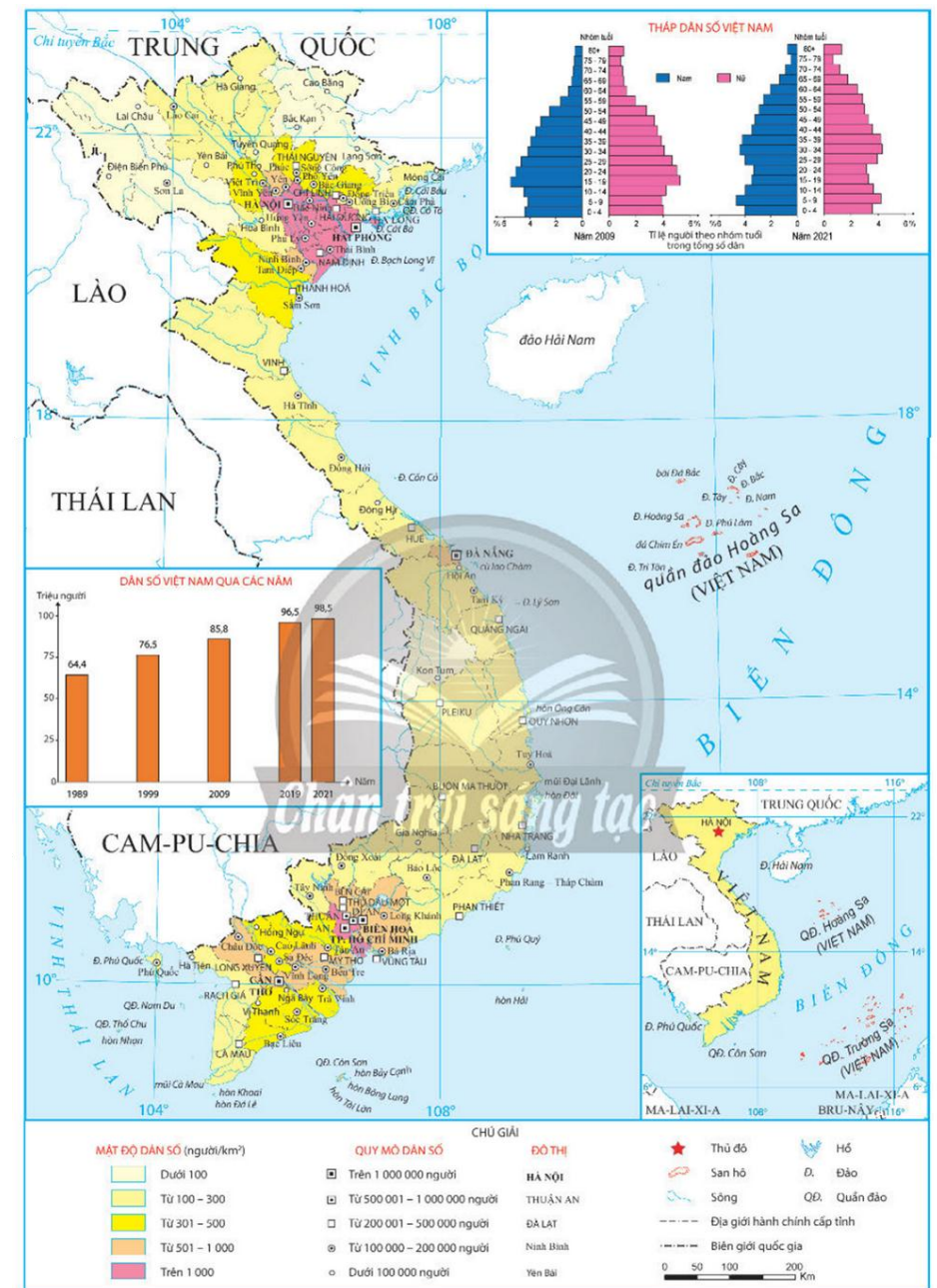


Cách làm ruộng bậc thang của người dân vùng cao

3. DÂN CƯ, XÃ HỘI

b. Phân bố dân cư

- Dựa vào thông tin mục b, hãy nhận xét đặc điểm phân bố dân cư ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.



Hình 2. Bản đồ dân số Việt Nam, năm 2021

3. DÂN CƯ, XÃ HỘI

Phân bố dân cư

Mật độ dân số toàn vùng thấp hơn so với trung bình cả nước



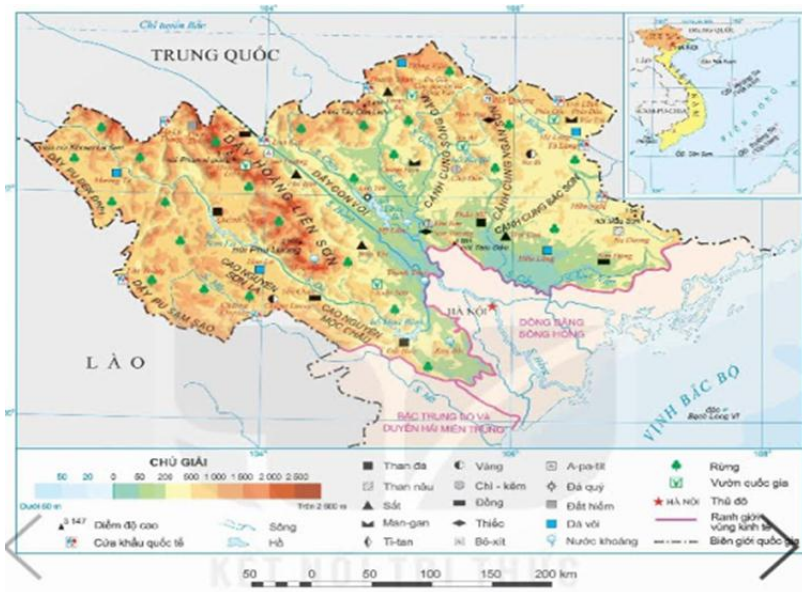
Phân bố dân cư không đồng đều



Đông Bắc dân cư đông đúc hơn Tây Bắc.

Các tỉnh khu vực trung du đông đúc hơn các tỉnh khu vực miền núi.

Dân cư sinh sống chủ yếu ở nông thôn.



3. DÂN CƯ, XÃ HỘI

c. Chất lượng cuộc sống

- Dựa vào thông tin mục c và bảng 11.2, hãy nhận xét về chất lượng cuộc sống dân cư vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ. Giải thích nguyên nhân

Năm	2010	2021
Tỉ lệ hộ nghèo (%)	29,4	13,4
Thu nhập bình quân đầu người/tháng theo giá hiện hành (triệu đồng)	0,9	2,8
Tuổi thọ trung bình (năm)	70,0	71,2
Tỉ lệ người lớn biết chữ (%)	88,3	90,6



Giảm

Tăng

Tăng

Tăng

Đời sống của người dân vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ được cải thiện, trình độ dân trí được nâng lên.

Nguyên nhân: do thành tựu của công cuộc ĐỔI MỚI và các chương trình phát triển kinh tế – xã hội.

